

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-01-2023

V/v: “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Mai Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1999. *Có mặt*
  - Bị đơn: anh Lê Tấn L, sinh năm 1993. *Có mặt*
  - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
    - + Ông Lê Tấn X, sinh năm 1970. *Vắng mặt*
    - + Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971. *Vắng mặt*
- Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã A, huyện S, tỉnh N.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Huỳnh Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh Lê Tấn L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 08/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh đập chị nhiều lần. Anh L dùng dao và xăng đòi thiêu chết vợ con. Chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: có một con chung tên là Lê Hoàng P, sinh ngày 30/3/2020. Hiện cháu P đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P đến tuổi thành niên. Chị yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: ngày 01/11/2022, chị T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung là một chiếc xe công nông mua vào tháng 3/2022, trị giá 220.000.000 đồng và ba chỉ vàng 9999, trị giá 15.600.000 đồng. Chị T trình bày vợ chồng có nợ của ông Lê Tấn X và bà Nguyễn Thị Th số tiền 140.000.000 đồng. Ngày 09/11/2022, chị T có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Lê Tấn L trình bày:*

Về hôn nhân: anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Anh L thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị T. Nhưng anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, anh thống nhất.

Về con chung: có một cháu tên là Lê Hoàng P, sinh ngày 30/3/2020. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu tòa án giao cháu P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 21/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Tấn X và bà Nguyễn Thị Th trình bày: vợ chồng ông X và bà Th không cho vợ chồng anh Lê Tấn L và chị Huỳnh Thị T mượn số tiền 140.000.000 đồng. Do đó, ông bà xác định giữa anh L, chị T với ông, bà không có nợ số tiền nào cả. Vì vậy, ông, bà không có yêu cầu gì và đề nghị xét xử vắng mặt.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị Huỳnh Thị T theo quy định của pháp luật và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lê Tấn L có nơi cư trú tại thôn Đ, xã A, huyện S, tỉnh N. Chị T yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn X và bà Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: chị Huỳnh Thị T và anh Lê Tấn L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế An, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 08/7/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do anh L thường xuyên uống rượu, say xỉn, đánh đập chị. Anh L thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án, anh L yêu cầu được đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa, anh L thống nhất ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh L có 01 con chung tên là Lê Hoàng P, sinh ngày 30/3/2020. Khi ly hôn, chị T và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Hiện cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, từ tháng 8/2022 đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, anh L không thống nhất cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh L đều đủ khả năng lao động, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung; thu nhập mỗi tháng của chị T từ 7 đến 8 triệu, của anh L từ 5 đến 6 triệu. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của anh L. Anh L cho rằng thu nhập của anh không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương cơ sở để buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu P đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: chị T có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về nợ chung: chị T có đơn rút yêu cầu giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu về nợ chung của chị T. Anh L không yêu cầu giải quyết nợ chung, ông X và bà Th xác định anh L và chị T không có khoản nợ chung đối với vợ chồng ông bà và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Lê Tấn L phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T đối với anh Lê Tấn L về việc *"ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị T và anh Lê Tấn L.

2. Về con chung: giao cháu Lê Hoàng P, sinh ngày 30/3/2020 cho chị Huỳnh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 750.000 (*Bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Huỳnh Thị T về việc chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Huỳnh Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị

T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004814 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: 300.000 đồng, anh L phải chịu.

Trả lại cho cho chị Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí 2.945.000 (*Hai triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004852 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (16-01-2023). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
  - TAND tỉnh Quảng Nam
  - VKSND huyện Quế Sơn;
  - Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
  - UBND xã A, huyện Quế Sơn
- (Giấy CNKH số 31 ngày 08/7/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Mai Loan**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN            THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**